

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 8/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị M, sinh năm 1996 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn V, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện ở: Thôn C 1, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Huy D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- **Người làm chứng:** Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C 1, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị M và anh D kết hôn vào ngày 14/02/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp tính cách, không có tiếng nói chung, anh D thiếu sự quan tâm đến mẹ con chị nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ giữa năm 2021 chị đã bế con về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Hiện chị xác định không còn tình cảm gì với anh D nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M1, sinh ngày 24/12/2014. Hiện nay cháu My đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 8 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

\* Cháu Nguyễn Thị Trà M1 (là con chung của chị M, anh D) ý kiến cháu xin ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

\* Lời khai của người làm chứng là bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ chị M) cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị M, anh D nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Đề nghị giao con chung cho chị M nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung. Ngoài ra, bà Thủy còn trình bày bà sẽ tạo điều kiện để mẹ con chị M có chỗ ở ổn định, lâu dài, đồng thời sẽ hỗ trợ chị M trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu My.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị M và anh D ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Trà M1, sinh ngày 24/12/2014 cho chị M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không

yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M, anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị M, anh D đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh D không đến Toà án làm việc, không đến tham gia hoà giải. Điều đó thể hiện việc không thiện chí đoàn tụ của bị đơn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị M ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị M, anh D có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M1, sinh ngày 24/12/2014. HĐXX thấy: Chị M có nguyện vọng nuôi con, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và nhận được sự hậu thuẫn từ gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu My. Anh D không có lời khai hay văn bản nào đề nghị xin nuôi con chung. Mặt khác cháu My cũng có ý kiến xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị M, giao cháu My cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Bùi Thị M ly hôn anh Nguyễn Huy D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Trà M1, sinh ngày 24/12/2014 cho chị Bùi Thị M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

*Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000912 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị M đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã A, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhung**